

NHẬN THỨC CHUNG VỀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU KHOA HỌC PHÁP LÝ

PGS. TS LÊ HUỖNH TẤN DUY

Khoa Luật Hình sự, Trường Đại học Luật TP. Hồ Chí Minh
Faculty of Criminal Law, Ho Chi Minh City University of Law
Email: lhtduy@hcmulaw.edu.vn

Tóm tắt

Phương pháp nghiên cứu khoa học nói chung và phương pháp nghiên cứu khoa học pháp lý nói riêng giữ vai trò quan trọng, quyết định độ tin cậy, tính thuyết phục của kết quả nghiên cứu. Tuy nhiên, phương pháp nghiên cứu khoa học pháp lý là một vấn đề chưa nhận được sự quan tâm đúng mức của các học giả Việt Nam. Trên cơ sở tìm hiểu chủ yếu các nguồn tài liệu tham khảo nước ngoài, tác giả bài viết tập trung trình bày, phân tích và đánh giá một số phương pháp nghiên cứu khoa học pháp lý; đồng thời phân biệt phương pháp với loại hình, phương pháp luận và kỹ thuật nghiên cứu. Bài viết góp phần giúp giảng viên, sinh viên và các nhà nghiên cứu luật học tại Việt Nam bổ sung kiến thức và sử dụng hợp lý, hiệu quả một số phương pháp nghiên cứu phổ biến trong lĩnh vực khoa học pháp lý.

Từ khóa: khoa học pháp lý, loại hình, phương pháp luận, phương pháp, kỹ thuật, nghiên cứu lịch sử, nghiên cứu so sánh, nghiên cứu tình huống

Abstract

Science research methods in general and legal science research methods in particular play crucial roles in determining the reliability and convincement of research outcomes. However, legal science research methods have not yet been received adequate consideration by Vietnamese legal scholars. Mainly based on the study of international academic documents, the author focuses on presenting, analysing and evaluating some legal science research methods, and simultaneously distinguishing legal research methods with legal research types, methodologies and techniques. This paper may help lecturers, students and legal scholars in Vietnam supplement knowledge and effectively use of some popular methods in legal science research area.

Keywords: legal science, type, methodology, method, technique, historical research, comparative research, case study research

DOI: <https://doi.org/10.70236/khplvn.529>

Ngày nhận bài: 14/5/2025

Ngày duyệt đăng: 15/12/2025

Phương pháp nghiên cứu giữ vai trò quyết định đối với sự thành công của hoạt động nghiên cứu khoa học (NCKH) nói chung và nghiên cứu khoa học pháp lý (NCKHPL) nói riêng. Vai trò đó được thể hiện trên nhiều phương diện như: tạo cơ sở cho phép đánh giá độ tin cậy và tính thuyết phục của kết quả nghiên cứu; là một trong những tiêu chí quyết định khả năng được chấp nhận công bố bởi một số tạp chí quốc tế có uy tín; thể hiện kiến thức, năng lực nghiên cứu của nhà khoa học. Tuy nhiên, phương pháp NCKHPL là một vấn đề chưa nhận được sự quan tâm đúng mức của giới nghiên cứu luật học ở Việt Nam. Chính vì vậy vẫn còn rất nhiều nội dung chưa được nhận thức đúng đắn, đầy đủ và thống nhất.

Bài viết được thực hiện dựa trên sự tìm hiểu, so sánh, đánh giá các công trình nghiên cứu trong và ngoài nước về phương pháp NCKH, bao gồm NCKHPL. Bên cạnh đó, tác giả còn kết hợp với việc quan sát thực tiễn sử dụng các phương pháp nghiên cứu của sinh viên, học viên cao học, nghiên cứu sinh và những nhà nghiên cứu trong lĩnh vực pháp luật tại Việt Nam chủ yếu thông qua công tác

hướng dẫn, thẩm định các sản phẩm khoa học. Những kinh nghiệm có được từ quá trình viết và công bố bài báo khoa học trên các tạp chí quốc tế có uy tín cũng là một trong những cơ sở để tác giả đưa ra quan điểm, lập luận, nhận xét mang tính cá nhân.

Kết quả nghiên cứu của bài viết là một bức tranh tổng quát về những vấn đề mang tính lý luận và thực tiễn của phương pháp NCKHPL. Qua đó, có thể phần nào giúp các nhà nghiên cứu luật học Việt Nam, các sinh viên, học viên chuyên ngành luật hiểu biết cặn kẽ, đúng đắn và đầy đủ về các phương pháp NCKHPL cổ điển và hiện đại để sử dụng hiệu quả, góp phần nâng cao chất lượng của các sản phẩm NCKH.

Nội dung bài viết được kết cấu thành hai phần chính. Phần thứ nhất giới thiệu khái niệm và những điểm đặc trưng của NCKHPL. Phần thứ hai trình bày, phân tích vấn đề trọng tâm của bài viết đó là các phương pháp NCKHPL cụ thể.

1. Khái niệm, đặc điểm và phân loại nghiên cứu khoa học pháp lý

1.1. Khái niệm, đặc điểm của nghiên cứu khoa học pháp lý

Nghiên cứu khoa học pháp lý hay nghiên cứu pháp lý là một bộ phận của NCKH nói chung, có đối tượng nghiên cứu là các vấn đề lý thuyết và thực tiễn thực hiện pháp luật. Ở góc độ khác, nghiên cứu pháp lý có thể được xem là một quá trình xác định và tìm kiếm thông tin cần thiết để chứng minh cho quyết định pháp lý. Nó bao gồm trong mỗi bước là một loạt hành động bắt đầu từ việc phân tích các dữ kiện của vấn đề và kết luận về việc áp dụng, liên hệ đến kết quả nghiên cứu.¹ Với tư cách là một bộ phận của NCKH nói chung, NCKHPL mang đầy đủ những đặc điểm của NCKH. Ngoài ra, NCKHPL cũng có những nét đặc trưng riêng dưới đây:

- Về đối tượng nghiên cứu, có tác giả cho rằng khoa học pháp lý có đối tượng nghiên cứu rộng bao gồm các học thuyết, lý thuyết, thực tiễn và định hướng cải cách.²

- Về bản chất, có tác giả xem pháp luật như một khoa học về hành vi bởi nó điều chỉnh hành vi con người; được thể hiện qua các từ ngữ được sử dụng trong ngữ cảnh nhất định. Trên cơ sở đó, nghiên cứu pháp lý theo tác giả này có những đặc điểm như:³

- Xử lý các hiện tượng mang tính xã hội và hành vi. Nó nghiên cứu hành vi con người với tư cách là thành viên của xã hội và những phản ứng, thái độ tình cảm trong các tình huống khác nhau.

- Khám phá sự kiện pháp lý mới và kiểm chứng sự kiện pháp lý cũ.

- Cố gắng thiết lập mối liên hệ giữa các hoạt động khác nhau của con người.

- Cố gắng đưa ra giải pháp cho các vấn đề pháp lý.

1.2. Phân loại nghiên cứu khoa học pháp lý

NCKH là một khái niệm rộng bao hàm cả NCKHPL, vì vậy đa số các loại hình NCKH cũng đồng thời là loại hình NCKHPL, ví dụ nghiên cứu cơ

1 Khushal Vibhute & Filipos Aynalem, *Legal research methods: Teaching materials*, Prepared under the Sponsorship of the Justice and Legal System Research Institute, 2009, tr. 23, https://www.academia.edu/29384542/Legal_Research_Methods_Teaching_Material_Prepared_under_the_Sponsorship_of_the_Justice_and_Legal_System, truy cập ngày 18/4/2023.

2 Khushal Vibhute & Filipos Aynalem, *ltd*, tr. 26.

3 Chunuram Soren, "Legal research methodology: An overview", *Journal of Emerging Technologies and Innovative Research*, Vol. 8(10), 2021, tr. 445.

bản, nghiên cứu ứng dụng... Bên cạnh đó, với những nét đặc thù của mình, NCKHPL cũng được phân chia thành những loại hình với tên gọi riêng biệt. Nhiều tài liệu trong nước và nước ngoài đã đề cập đến hai loại hình nghiên cứu pháp lý (*types/categories of legal research*) lớn bao gồm: nghiên cứu pháp lý mang tính học thuyết (*doctrinal legal research*), nghiên cứu pháp lý không mang tính học thuyết (*non-doctrinal legal research*).

Loại hình thứ nhất được định nghĩa là loại hình nghiên cứu các học thuyết pháp lý thông qua việc phân tích quy định của văn bản pháp luật và áp dụng với các lập luận, lý lẽ. Nó nhấn mạnh việc phân tích các quy tắc, nguyên tắc hoặc học thuyết pháp lý; nghiên cứu nghĩa đen pháp luật (*black-letter of law*). Nghiên cứu pháp lý mang tính học thuyết còn có biệt danh là nghiên cứu “ghế bành” (*arm-chair*) hoặc nghiên cứu cơ bản.⁴

Loại hình thứ hai được định nghĩa là loại hình nghiên cứu mối quan hệ giữa pháp luật với các khoa học về hành vi (*behavioral sciences*) khác. Nó chú trọng đến mối quan hệ giữa luật pháp với con người, các giá trị và thiết chế xã hội. Nó liên quan đến việc điều tra mang tính thực nghiệm về sự vận hành của pháp luật, xem xét cách ứng xử của con người khi chịu sự tác động của pháp luật hoặc khi tác động đến pháp luật. Nghiên cứu pháp lý không mang tính học thuyết là nghiên cứu luật trong hành động (*law-in-action*), nghiên cứu thực nghiệm (*empirical research*), nghiên cứu xã hội – pháp luật (*socio-legal research*), xã hội học pháp luật (*sociology of law*), nghiên cứu phi thư viện (*non-library research*).⁵

Bên cạnh hai loại hình phổ biến trên, một số tác giả còn phân chia nghiên cứu pháp lý thành các loại khác như nghiên cứu pháp lý định tính (*qualitative legal research*),⁶ nghiên cứu pháp lý định lượng (*quantitative legal research*),⁷ nghiên cứu pháp lý so sánh và quốc tế (*international and comparative research*),⁸...

2. Phương pháp nghiên cứu khoa học pháp lý

2.1. Một số khái niệm cần phân biệt

Quá trình tìm hiểu cho thấy phần lớn tác giả của các sách chuyên khảo, giáo trình về phương pháp NCKH nói chung và NCKHPL nói riêng đều sử dụng rất nhiều thông tin từ các nguồn tài liệu nước ngoài. Do đó muốn kiểm tra một phương pháp cụ thể có thật sự là phương pháp NCKHPL hay không phải dựa vào các tài liệu tham khảo gốc của nước ngoài. Trước khi phân tích các phương pháp NCKHPL phổ biến, chúng ta cần phân biệt ba khái niệm quan trọng nhưng dễ nhầm lẫn đó là “phương pháp nghiên cứu KHPL”, “phương pháp luận NCKHPL” và “kỹ thuật NCKHPL”.

4 Khushal Vibhute & Filipos Aynalem, *ltd*, tr. 70.

5 Khushal Vibhute & Filipos Aynalem, *ltd*, tr. 71.

6 Ian Dobinson and Francis Johns, “Qualitative legal research”, trong Mike McConville & Wing Hong Chui, *Research methods for law*, Edinburgh University Press, 2007, tr. 16-45. Trong bài viết này các tác giả cho rằng nghiên cứu pháp lý định tính đồng nghĩa với nghiên cứu pháp lý mang tính học thuyết (tr. 40).

7 Wing Hong Chui, “Quantitative legal research”, trong Mike McConville & Wing Hong Chui, *ltd*, chú thích số 20, tr. 45-62. Trong bài viết này, tác giả cho rằng nghiên cứu pháp lý định lượng là một dạng nghiên cứu pháp lý không mang tính học thuyết (tr. 47).

8 Mike McConville & Wing Hong Chui, *ltd*, tr. 2-7; Đỗ Minh Khôi và các tác giả khác, *Phương pháp, quy trình và kỹ thuật nghiên cứu cơ bản trong khoa học pháp lý*, Nxb. Đại học quốc gia TP HCM, 2016, tr. 38-40.

Thứ nhất, phương pháp nghiên cứu KHPL

Thuật ngữ “phương pháp nghiên cứu khoa học pháp lý”, chính xác hơn là “phương pháp nghiên cứu pháp lý”, trong tiếng Anh là “*legal research method*”. Để hiểu rõ về khái niệm này trước hết chúng ta cần hiểu khái niệm phương pháp nghiên cứu nói chung và sau đó đặt nó vào lĩnh vực khoa học pháp lý. Phương pháp nghiên cứu nói chung ám chỉ tất cả phương pháp và kỹ thuật được sử dụng bởi một nhà nghiên cứu khi thực hiện một công trình nào đó. Thuật ngữ này do vậy bao hàm các phương pháp, kỹ thuật hoặc công cụ sử dụng để thu thập và xử lý dữ liệu, xác định mối quan hệ giữa dữ liệu với những những điều (*facts*) chưa biết, và đánh giá tính chính xác của các kết quả đạt được. Đôi khi nó còn được dùng để xác định các khái niệm và quy trình được thực hiện trong việc phân tích dữ liệu, dù bằng cách thức thu thập nào, để đi đến kết luận. Nói một cách khác, “phương pháp nghiên cứu” là những công cụ và kỹ thuật trong một hộp công cụ (*toolbox*) được sử dụng để thu thập dữ liệu (hoặc chứng cứ) và phân tích chúng. Các phương pháp nghiên cứu có thể được chia thành 03 nhóm:

- Các phương pháp liên quan đến việc thu thập dữ liệu (khi các dữ liệu sẵn có chưa đủ để đưa đến giải pháp cần thiết);
- Các kỹ thuật thống kê (được sử dụng để xác định mối quan hệ giữa dữ liệu với những điều chưa biết);
- Các phương pháp được sử dụng để đánh giá tính chính xác của kết quả đạt được.⁹

Thứ hai, phương pháp luận NCKHPL

“Phương pháp luận nghiên cứu khoa học pháp lý” là thuật ngữ được sử dụng phổ biến tại Việt Nam. Đây thường là một môn học thuộc khối kiến thức cơ bản trong chương trình đào tạo thạc sĩ, tiến sĩ luật tại nhiều cơ sở giáo dục đại học của nước ta. Thuật ngữ này có thể được các tác giả dịch từ một cụm từ trong tiếng Anh là “*legal research methodology*”. Chính xác hơn đó chỉ là “phương pháp luận nghiên cứu pháp lý” (không có từ “khoa học”). Phương pháp luận nghiên cứu nói chung ám chỉ một cách thức giải quyết mang tính hệ thống vấn đề nghiên cứu. Nó có thể được hiểu là một khoa học về cách thức thực hiện việc nghiên cứu một cách khoa học (*a science of studying how research is done scientifically*).¹⁰ Nó liên quan đến sự hiểu biết về các bước và phương pháp mà một nhà nghiên cứu cơ bản cần sử dụng để thiết lập mối liên hệ mang tính logic giữa chúng với việc khảo sát vấn đề nghiên cứu. Nó không chỉ liên quan đến các phương pháp mà còn là sự giải thích và biện hộ cho việc sử dụng các phương pháp nhất định và chính bản thân các phương pháp đó. Nó bao gồm triết lý và thực tiễn của cả quá trình nghiên cứu. Nói một cách khác, phương pháp luận nghiên cứu là bộ nguyên tắc của quy trình nghiên cứu. Nó bao hàm trong đó không chỉ sự tập hợp nhiều phương pháp nghiên cứu khác nhau mà còn là những nguyên tắc áp dụng chúng (trong một tình huống cụ thể) và tính giá trị (đối với vấn đề nghiên cứu hiện có).¹¹

Qua hai khái niệm trên cho thấy phương pháp nghiên cứu và phương pháp luận nghiên cứu là khác nhau nhưng có mối quan hệ mật thiết. Phương pháp

9 Khushal Vibhute & Filipos Aynalem, *ltd*, tr. 19.

10 Như trên.

11 Như trên.

luận nghiên cứu có nhiều khuôn khổ và phương pháp nghiên cứu là một phần của phương pháp luận nghiên cứu. Phạm vi của phương pháp luận nghiên cứu rộng hơn phạm vi của các phương pháp nghiên cứu. Vì vậy, khi chúng ta nói đến phương pháp luận nghiên cứu chúng ta không chỉ đề cập các phương pháp nghiên cứu mà còn xem xét tính logic phía sau các phương pháp mà chúng ta sử dụng trong ngữ cảnh nghiên cứu và giải thích tại sao chúng ta đang sử dụng một phương pháp hoặc kỹ thuật đặc thù mà không phải là phương pháp hoặc kỹ thuật khác để các kết quả nghiên cứu có khả năng đánh giá được bởi chính tác giả hoặc những người khác. Tại sao nghiên cứu được thực hiện, vấn đề nghiên cứu được xác định như thế nào, giả thuyết được đặt ra bằng cách thức nào và tại sao đặt ra, dữ liệu nào đã được thu thập và bằng phương pháp cụ thể nào, tại sao kỹ thuật đặc thù về phân tích dữ liệu được sử dụng và một loạt những câu hỏi tương tự thường được giải đáp khi chúng ta nói đến phương pháp luận nghiên cứu đối với một vấn đề hay công trình nghiên cứu nào đó.¹²

Qua tìm hiểu các tài liệu nước ngoài, tác giả bài viết nhận thấy ba thuật ngữ gồm loại hình, phương pháp, phương pháp luận NCKHPL đôi khi được giới nghiên cứu luật học sử dụng để thay thế cho nhau.¹³ Tác giả Đỗ Minh Khôi và các tác giả khác cũng có nhận xét tương tự: “[M]ọi sự phân loại có tính chất tương đối, các loại hình nghiên cứu có thể vừa là một loại hình, một hướng tiếp cận, phương pháp luận và đôi khi là một phương pháp nghiên cứu cụ thể”.¹⁴ Tuy nhiên, phương pháp và phương pháp luận NCKHPL có sự khác biệt khá rõ như đã trình bày.

Qua quá trình đánh giá các sản phẩm NCKH với nhiều hình thức như khóa luận tốt nghiệp, luận văn thạc sĩ, đề tài NCKH... tại Việt Nam, tác giả bài viết nhận thấy trong phần mở đầu luôn có một tiểu mục là phương pháp luận và/hoặc phương pháp nghiên cứu. Đối với phương pháp luận, phần lớn đều ghi “được thực hiện trên cơ sở phương pháp luận của chủ nghĩa Marx-Lenin, tư tưởng Hồ Chí Minh...” hoặc “cơ sở phương pháp luận của chủ nghĩa duy vật biện chứng, duy vật lịch sử”. Tuy nhiên, đa phần các tác giả không giải thích phương pháp luận này được hiểu như thế nào và được sử dụng để thực hiện những nội dung cụ thể gì của công trình nghiên cứu.

Thứ ba, kỹ thuật NCKHPL

Trong khái niệm phương pháp NCKH ở trên đã đề cập đến thuật ngữ “kỹ thuật nghiên cứu”. Kothari cho rằng phương pháp nghiên cứu và kỹ thuật nghiên cứu là hai thuật ngữ khác nhau mặc dù trong thực tế chúng thường được sử dụng để thay thế cho nhau.¹⁵ Kỹ thuật nghiên cứu ám chỉ các hành vi và công cụ được sử dụng để thực hiện việc nghiên cứu ví dụ như quan sát, ghi nhận dữ liệu, xử lý dữ liệu và những thứ tương tự. Trong khi đó, phương pháp nghiên cứu mang tính khái quát hơn, ám chỉ các hành vi và công cụ được sử dụng để lựa chọn và xây dựng kỹ thuật nghiên cứu.

12 L V Redman and A V H Mory, *The romance of research* (1923) 10, trích dẫn trong Khushal Vibhute & Filipos Aynalem, *ltdđ*, tr. 20.

13 Ví dụ tác Wing Hong Chui đã viết: “Broadly speaking, social science methodologies can be classified in two: quantitative and qualitative methodologies. In this chapter, the quantitative research method as one particular non - doctrinal methodology will be introduced.” Xem Wing Hong Chui, “Quantitative legal research”, trong Mike McConville & Wing Hong Chui, *ltdđ*, tr. 47.

14 Đỗ Minh Khôi và các tác giả khác, *ltdđ*, tr. 13.

15 C. R. Kothari (2nd ed., 1990), *Research methodology: Methods and techniques*, New Age International (P) Limited, Publishers, tr. 7.

Sự khác nhau giữa loại hình, phương pháp và kỹ thuật nghiên cứu được thể hiện qua bảng sau:¹⁶

Loại hình	Phương pháp	Kỹ thuật
Nghiên cứu thư viện	(i) Phân tích các ghi chép lịch sử (<i>historial records</i>) (ii) Phân tích tài liệu	Ghi chép các chú giải, phân tích nội dung, nghe và phân tích băng ghi âm, ghi hình Thu thập số liệu, tài liệu tham khảo và tóm tắt hướng dẫn, phân tích nội dung
Nghiên cứu điền dã/hiện trường	(i) Quan sát trực tiếp người không tham gia (ii) Quan sát người tham gia (iii) Quan sát số đông (iv) Bảng hỏi qua mail (v) Bảng tổng hợp quan điểm (<i>opinionnaire</i>) (vi) Phỏng vấn cá nhân (vii) Phỏng vấn tập trung (viii) Phỏng vấn nhóm (ix) Khảo sát qua điện thoại (x) Nghiên cứu tình huống và lịch sử cuộc sống	Thang đo hành vi quan sát, sử dụng thẻ ghi điểm,... Ghi chép mang tính tương tác, có thể sử dụng các thiết bị ghi âm, kỹ thuật hình ảnh Ghi chép hành vi của số đông, phỏng vấn sử dụng những người quan sát độc lập tại các địa điểm công cộng. Xác nhận nền tảng kinh tế xã hội của những người phản hồi Sử dụng thang đo thái độ, các kỹ thuật phỏng chiếu (<i>projective techniques</i>), thang đo quan hệ xã hội (<i>sociometric scales</i>) Sử dụng bản kế hoạch chi tiết với các câu hỏi đóng, mở Tập trung sự chú ý vào kinh nghiệm đã xác định và hiệu quả của nó Những nhóm nhỏ được phỏng vấn cùng lúc Được sử dụng như một kỹ thuật khảo sát về thông tin và nhận thức rõ quan điểm; có thể được sử dụng theo sau bảng hỏi Thu thập dữ liệu chéo/liên ngành cho việc phân tích sâu, dữ liệu theo chiều dọc để phân tích sâu về đặc điểm
Nghiên cứu thí nghiệm	Nghiên cứu nhóm nhỏ về hành vi ngẫu nhiên, phân tích vai trò và hoạt động	Sử dụng các thiết bị ghi âm, ghi hình, người quan sát độc lập,...

2.2. Vai trò, ý nghĩa của phương pháp nghiên cứu khoa học pháp lý

Phương pháp NCKHPL giữ một vai trò đặc biệt quan trọng, quyết định sự thành công của hoạt động NCKH. Trước hết, dựa vào phương pháp nghiên cứu

16 Kothari, *ltd*, tr. 7.

đã được sử dụng, người đọc, nhất là người bình duyệt, có cơ sở để đánh giá độ tin cậy, tính thuyết phục của các kết quả nghiên cứu. Ví dụ để tìm ra mối quan hệ giữa nhiệt độ với một số tội phạm như giết người, hành hung, cướp tài sản, hiếp dâm, nhóm tác giả đã sử dụng phương pháp nghiên cứu định lượng.¹⁷ Đây là phương pháp rất phù hợp với mục đích nghiên cứu. Rõ ràng trong trường hợp này nếu chỉ đơn thuần sử dụng phương pháp nghiên cứu lý thuyết luật học thì rất khó, nếu không muốn nói là không thể, chứng minh một cách thuyết phục về mối quan hệ giữa hai đối tượng trên.

Tiếp đến, phương pháp nghiên cứu là một trong những tiêu chí để đánh giá khả năng được chấp nhận công bố bởi một số tạp chí luật học quốc tế có uy tín. Theo tìm hiểu của tác giả bài viết, đa số tạp chí quốc tế không đặt ra yêu cầu quá khắt khe và giới hạn rõ ràng về phương pháp nghiên cứu. Tuy nhiên, có một vài tạp chí quốc tế ngay trong tên gọi hoặc phần giới thiệu của chúng đã trực tiếp xác định phương pháp nghiên cứu được chú trọng. Do đó những tác giả nào sử dụng đúng phương pháp nghiên cứu thì khả năng bài viết của họ được các tạp chí này chấp nhận sẽ cao và ngược lại. Ví dụ: Tạp chí Nghiên cứu thực nghiệm về đạo đức nghiên cứu con người (*Journal of Empirical Research on Human Research Ethics*) của nhà xuất bản Sage;¹⁸ Tạp chí Nghiên cứu pháp lý thực nghiệm (*Journal of Empirical Legal Studies*) của nhà xuất bản Cornell Law School and Wiley Periodicals LLC.^{19,20}

Phương pháp NCKHPL còn gián tiếp thể hiện kiến thức, năng lực và kỹ năng nghiên cứu của tác giả. Việc lựa chọn phương pháp nghiên cứu có phù hợp với loại hình, mục đích và hướng tiếp cận hay không đã ngay lập tức chứng minh kiến thức cơ bản của tác giả về NCKH nói chung. Quan trọng hơn cách thức, quy trình, mức độ sử dụng các phương pháp nghiên cứu phản ánh năng lực và kỹ năng nghiên cứu của tác giả; cho thấy tác giả có thật sự am hiểu, có sử dụng thành thạo các phương pháp nghiên cứu đã lựa chọn hay không.

2.3. Các phương pháp nghiên cứu khoa học pháp lý phổ biến

Tương ứng với đặc điểm của công trình nghiên cứu, loại hình, mục đích nghiên cứu và hướng tiếp cận cụ thể, tác giả sẽ xác định các phương pháp NCKHPL cho phù hợp. Trong đó, cần xác định rõ phương pháp nào là phương pháp chủ đạo, phương pháp nào là phương pháp bổ trợ. Hầu như không có công trình NCKH nào chỉ sử dụng một phương pháp để thực hiện. Trong phạm vi bài viết, tác giả chỉ trình bày một số phương pháp NCKHPL phổ biến sau đây:

2.3.1. Phương pháp nghiên cứu lịch sử pháp luật (*historical method in law*)

Nghiên cứu lịch sử pháp luật làm sáng tỏ phương diện xã hội của chúng, cung cấp sự hiểu biết sâu sắc về động lực kinh tế, đặc tính cộng đồng, và quy đạo văn hóa bên dưới của chúng. Lịch sử làm sáng tỏ sự phát triển của các khái niệm pháp luật, ý tưởng, nhận thức của cộng đồng tạo nền tảng cho pháp luật,

17 Prancois H Schutte, Gregory D Breetzke & Ian Edlstein, "The relationship between temperature and crime on the Cap Flats of South Africa", *International Journal of Criminal Justice Sciences*, Vol. 16(1), 2021, tr. 127-145.

18 Journal of Empirical Research on Human Research Ethics, "Journal overview and metrics", <https://journals.sagepub.com/home/jre>, truy cập ngày 05/4/2025.

19 Journal of Empirical Legal Studies, "Overview", <https://onlinelibrary.wiley.com/journal/17401461>, truy cập ngày 05/4/2025.

20 Tham khảo danh sách các tạp chí chú trọng phương pháp nghiên cứu thực nghiệm tại địa chỉ Stanford Law School, <https://guides.law.stanford.edu/c.php?g=685018&p=5776659>, truy cập ngày 05/4/2025.

sự chuyển động của chính trị, xã hội dẫn đến sự ra đời của pháp luật, và các mối quan hệ quốc tế tạo hình cho pháp luật ở cấp độ quốc gia và quốc tế.²¹ Lịch sử pháp luật chưa bao giờ là một môn học đơn lẻ và thường được chia thành hai loại là lịch sử pháp luật bên trong (*internal*) và lịch sử pháp luật bên ngoài (*external*). Loại thứ nhất là lịch sử pháp luật của các luật sư, của các quy tắc và nguyên tắc pháp lý với những loại nguồn chủ yếu được hình thành trong quá trình pháp luật (*legal process*) như các đạo luật và vụ án đã quyết định, được bổ sung khi thích hợp với những tài liệu của luật sư giải thích về các quy tắc và thỉnh thoảng phản ánh về chúng. Loại thứ hai là lịch sử của pháp luật trong thực tiễn, của các chế định luật khi áp dụng trong xã hội hơn là những quy tắc pháp lý tồn tại trong một môi trường xã hội, kinh tế và chính trị trống rỗng.²²

Quan sát nhiều công trình nghiên cứu của sinh viên luật tại Việt Nam, tác giả bài viết nhận thấy phần lịch sử hình thành của một chế định hoặc các quy định pháp luật thuộc đối tượng nghiên cứu đa số chỉ dừng lại ở việc mô tả, trích dẫn quy định của các văn bản pháp luật qua các giai đoạn/thời kỳ và thường đặt trong chương thứ nhất về lý luận chung. Điều này cho thấy sinh viên chỉ tập trung vào lịch sử pháp lý bên trong mà hoàn toàn thiếu vắng sự nghiên cứu pháp luật trong bối cảnh lịch sử, chính trị, văn hóa, xã hội cụ thể của đất nước trong từng giai đoạn. Phần trình bày về lịch sử do vậy không có đóng góp đáng kể về mặt khoa học, xa rời thực tiễn và không tìm ra được quy luật, xu hướng phát triển của pháp luật. Ví dụ nghiên cứu lịch sử của tranh tụng trong tố tụng hình sự nhưng chỉ dựa vào quy định của các Bộ luật Tố tụng hình sự mà không gắn với các Nghị quyết của Bộ Chính trị về cải cách tư pháp. Nghiên cứu về tội dùng nhục hình nhưng chỉ trích dẫn, so sánh quy định về tội danh này giữa các Bộ luật Hình sự mà hoàn toàn không đề cập đến yêu cầu nội luật hóa Công ước chống tra tấn.

Trước khi sử dụng phương pháp này, người nghiên cứu cần xác định rõ mục đích là gì: chuẩn bị để tranh luận về một vụ án, phê phán quy định pháp luật, ủng hộ việc thay đổi hay giữ nguyên quy định pháp luật.²³ Đối tượng nghiên cứu của phương pháp này rất đa dạng bao gồm lịch sử hình thành và phát triển của các quy định pháp luật, thực tiễn thực hiện pháp luật, lý thuyết pháp luật...²⁴ Để sử dụng thành công phương pháp nghiên cứu lịch sử pháp luật, nhà luật học cần có góc nhìn của một nhà lịch sử với cách tiếp cận liên ngành. Các kỹ thuật thường được sử dụng trong loại phương pháp nghiên cứu này là phân kỳ lịch sử, mô tả, tường thuật, giải thích, phân tích mối quan hệ nhân quả (*causation*) giữa các hiện tượng.²⁵

Một vấn đề rất quan trọng trong phương pháp nghiên cứu lịch sử pháp luật là tài liệu tham khảo. Do đối tượng nghiên cứu là những hiện tượng đã xảy ra trong quá khứ và nhà luật học không thể tạo ra dữ liệu nên họ phải tìm đúng, đầy đủ các loại nguồn tài liệu tham khảo và đặc biệt phải kiểm tra tính chính xác của

21 Bhat, P. Ishwara, "Historical legal research: Implications and applications", *Idea and Methods of Legal Research* (Delhi, 2020; online edn, Oxford Academic), 2020, DOI: <https://doi.org/10.1093/oso/9780199493098.003.0007>

22 David Ibbetson, "Historical research in law", abstract, in Mark Tushnet, Peter Cane (eds.), *Oxford handbook of legal studies*, Oxford Academic, 2012.

23 Melton, Buckner F. Jr., "Clio at the Bar: A guide to historical method for Legists and Jurists", *Minnesota Law Review*, Vol. 82(3)911, 1998, tr. 469.

24 Đỗ Minh Khôi và các tác giả khác, *tldđ*, tr. 53.

25 Quan hệ nhân quả được xem là yếu tố then chốt của nghiên cứu lịch sử, mặc dù các nhà sử học không đưa ra khái niệm quan hệ nhân quả là gì. Xem Melton, Buckner F. Jr., *tldđ*, tr. 437.

chúng trước khi sử dụng. Đối với nhà sử học, có hai loại nguồn tài liệu là nguồn sơ cấp (*primary source*) và nguồn thứ cấp (*secondary source*).²⁶ Được xem là nguồn sơ cấp khi tác giả của nó là người tham gia hoặc người quan sát trực tiếp sự kiện nghiên cứu. Trong khi đó, nguồn thứ cấp là sản phẩm của một người chỉ gián tiếp biết đến sự kiện thông qua việc tham khảo các nguồn sơ cấp (từ những báo cáo và lập luận). Xu hướng nghiên cứu lịch sử có lẽ chủ yếu dựa vào các nguồn tài liệu sơ cấp²⁷ do nghi ngờ về độ tin cậy của các nguồn thứ cấp. Tuy nhiên, đối với giới nghiên cứu luật học thì có quan điểm khác, theo đó nguồn sơ cấp là các quy định của luật, còn nguồn thứ cấp là những giải thích, định vị, phát triển, cập nhật luật pháp. Hơn nữa nguồn thứ cấp đôi khi mang tính cân bằng, vô tư và chính xác hơn nguồn sơ cấp đặc biệt trong trường hợp tác giả của nguồn sơ cấp là người thuộc đảng phái chính trị, còn tác giả của nguồn thứ cấp lại khách quan và có góc nhìn tốt hơn.²⁸

2.3.2. Phương pháp nghiên cứu so sánh (*comparative research method*)

Phương pháp so sánh là một phương pháp nghiên cứu ngày càng được sử dụng phổ biến trong lĩnh vực khoa học pháp lý vì những lợi ích mà nó mang lại và xu hướng hài hòa hóa và nhất thể hóa pháp luật. Việc nhìn vào hệ thống pháp luật của các quốc gia khác được hi vọng sẽ mang lại nhiều ích lợi cho hệ thống pháp luật của người nghiên cứu, đưa ra các đề xuất cho sự phát triển trong tương lai, cảnh báo những khó khăn có thể xảy ra, tạo cơ hội xem xét hệ thống pháp luật nội địa một cách phản biện hơn;²⁹ tăng cường sự vay mượn và tương tác mang tính trí tuệ (*intellectual interaction and borrowings*), qua đó nâng cao khả năng tự nhận xét (*self-reflection*).³⁰

Một công trình nghiên cứu luật học mang tính so sánh không thể chỉ đơn giản là sự mô tả hai (hoặc có thể nhiều hơn) hệ thống pháp luật. Nó phải vượt lên trên điều đó và đưa ra những sự mới mẻ từ việc phân tích, ví dụ sự giống và khác nhau giữa hai quốc gia trong cách giải quyết một vấn đề pháp lý nào đó; các hệ thống đã áp dụng những tiêu chuẩn quốc tế như thế nào... Bài viết nghiên cứu so sánh nếu muốn được công bố quốc tế thì còn phải đảm bảo chắc chắn rằng độc giả quốc tế sẽ tìm thấy sự thú vị của việc so sánh. Người bình duyệt tập trung vào bản chất của kết quả nghiên cứu tìm thấy từ việc so sánh và những điều có thể học tập từ kết quả nghiên cứu.

Để áp dụng thành công phương pháp nghiên cứu so sánh trong lĩnh vực khoa học pháp lý tác giả cần trả lời những câu hỏi bao gồm: (i) Tại sao phải so sánh? (ii) Lựa chọn hệ thống pháp luật nào để so sánh? (iii) So sánh vấn đề gì? (iv) So sánh như thế nào? (v) Cấp bậc so sánh là gì?³¹

26 Jacques Barzun & Henry F. Graff (5th ed.), *The modern researcher*, 1992, tr. 114, trích dẫn trong Melton, Buckner F. Jr., *tlđđ*, tr. 456.

27 Homer Carey Hockett, *The critical method in historical research and writing*, 1955, đoạn 89, trích dẫn trong Melton, Buckner F. Jr., *tlđđ*, tr. 457.

28 Melton, Buckner F. Jr., *tlđđ*, tr. 457.

29 Geoffrey Wilson, "Comparative legal scholarship", trong Mike McConville & Wing Hong Chui, *tlđđ*, tr. 87.

30 Marie-Luce Paris, "The comparative method in legal research: The art of justifying choices", *Legal Research Methods: Principles and Practicalities*, Clarus Press, 2016, <https://researchrepository.ucd.ie/rest/bitstreams/22767/retrieve>

31 Mark Van Hoecke, "Methodology of comparative legal research", *Law and Method*, 2015, tr. 01-35, DOI: <https://doi.org/10.5553/REM/.000010>

Câu hỏi thứ nhất ám chỉ mục đích và ý nghĩa của việc so sánh luật. Vấn đề này thường được lý giải trong phần tóm tắt và phần giới thiệu của công trình nghiên cứu. Câu hỏi thứ hai đòi hỏi tác giả phải giải thích lý do lựa chọn pháp luật nước ngoài và/hoặc pháp luật quốc tế để so sánh. Trong thực tế phần lớn những người nghiên cứu thường chọn hệ thống pháp luật quốc gia để so sánh dựa trên kiến thức về ngôn ngữ của họ.³² Điều này có nghĩa họ sẽ chọn pháp luật của quốc gia được thể hiện bằng một ngoại ngữ mà họ hiểu được. Nhưng cần lưu ý nhà nghiên cứu phải đưa ra được những lý do thuyết phục cho việc lựa chọn của họ từ góc độ học thuật chứ không thể chỉ đơn thuần dựa vào lý do sự thuận tiện về ngôn ngữ.

Câu hỏi thứ ba đề cập đối tượng cụ thể của việc so sánh. Trước đây thường các nhà nghiên cứu so sánh quy định, quy tắc trong các văn bản pháp luật là chủ yếu. Nhưng về sau họ đã bắt đầu mở rộng đối tượng so sánh đến các quyết định tư pháp và cách thức giải quyết những vấn đề pháp lý trong thực tiễn. Họ cũng chú trọng nhiều hơn đến ngữ cảnh kinh tế-xã hội và lịch sử của pháp luật.³³

Câu hỏi thứ tư ám chỉ các phương pháp so sánh luật. Điều này nghe thoáng qua có vẻ rất lạ vì bản thân “so sánh” đã là một phương pháp nghiên cứu. Tuy nhiên so sánh bằng cách nào là điều rất quan trọng và quyết định sự thành công của việc nghiên cứu. Theo Mark Van Hoecke, chúng ta có thể phân biệt 06 phương pháp khác nhau được dùng trong nghiên cứu so sánh bao gồm: phương pháp chức năng, phương pháp cấu trúc, phương pháp phân tích, phương pháp luật trong ngữ cảnh, phương pháp lịch sử và phương pháp cốt lõi chung (*common-core method*).³⁴ Các phương pháp này có sự đan xen và hỗ trợ, bổ sung cho nhau, do đó nên được kết hợp sử dụng trong nghiên cứu so sánh pháp luật.

Phương pháp chức năng không tập trung so sánh các quy tắc mà chủ yếu so sánh các giải pháp đối với những vấn đề thực tiễn với lợi ích đối lập nhau. Phương pháp cấu trúc được sử dụng xuất phát từ góc nhìn rộng hơn, tập trung vào sự phân tích mang tính cấu trúc của các hệ thống (hoặc những phần của hệ thống) pháp luật. Phương pháp phân tích hướng đến sự so sánh các khái niệm pháp lý trong từng hệ thống pháp luật. Phương pháp luật trong ngữ cảnh tập trung so sánh cách thức pháp luật vận hành trong thực tiễn; giúp người nước ngoài hiểu pháp luật và giải thích vì sao pháp luật lại là như vậy; gắn liền với các yếu tố đặc thù về kinh tế, xã hội, tâm lý... Phương pháp này ám chỉ việc quan sát thực nghiệm. Phương pháp lịch sử, một phần của phương pháp luật trong ngữ cảnh, là phương pháp không thể thiếu trong nghiên cứu so sánh. Phương pháp này không chỉ giải thích nguồn gốc và nguyên nhân của pháp luật hiện hành trong xã hội, trong một số trường hợp, so sánh lịch sử cho chúng ta thấy những quy tắc hoặc cách thức tiếp cận pháp luật tương tự trong một hệ thống pháp luật đã được thể hiện trong quá khứ ở một hệ thống pháp luật khác, tuy nhiên luật pháp hoặc cách nhìn của hệ thống sau hiện thời đã khác. Phương pháp cốt lõi chung hướng đến việc tìm kiếm những điểm chung mang tính cốt lõi của các hệ thống pháp luật, trong cách nhìn về khả năng hài hòa hóa một bộ phận của luật pháp.

32 Mark Van Hoecke, *lđđ*, tr. 3.

33 Mark Van Hoecke, *lđđ*, tr. 7.

34 Mark Van Hoecke, *lđđ*, tr. 11.

Câu hỏi thứ năm đề cập các cấp độ so sánh luật. Đó là các cấp độ pháp luật được xây dựng và thực thi về mặt địa lý (ví dụ quốc tế, châu Âu, quốc gia, vùng lãnh thổ). Có nhiều cách phân chia cấp độ so sánh luật dựa trên những phương diện khác nhau, cụ thể bao gồm cấp độ vi mô và vĩ mô, các nền tảng văn hóa/truyền thống pháp lý chung và chuyên nghiệp, luật trong hành động và luật trong sách vở, mức độ bề mặt và mức độ sâu, khung học thuyết với nền tảng văn hóa pháp lý.³⁵

2.3.3. Phương pháp nghiên cứu tình huống (case study research method)

Nghiên cứu tình huống là một dạng của nghiên cứu thực nghiệm, một chiến lược/phương pháp luận của nghiên cứu định tính,³⁶ được sử dụng trong nhiều lĩnh vực khác nhau như xã hội học, pháp lý, y học, quản trị, giáo dục..., cho phép người nghiên cứu đánh giá dữ liệu trong một ngữ cảnh cụ thể. Phương pháp này đặc biệt được sử dụng để lý giải sâu sắc về một hành vi xã hội được mong muốn.³⁷ Có nhiều khái niệm về nghiên cứu tình huống nói chung được đưa ra bởi nhiều tác giả. Theo Creswell, một nghiên cứu tình huống giống như một cách tiếp cận định tính, khám phá một đời sống thực tế, một hoặc nhiều hệ thống (tình huống) đương thời được giới hạn (*bounded system*), bằng việc thu thập sâu, chi tiết dữ liệu liên quan đến nhiều nguồn thông tin... và tường trình về sự mô tả và các chủ đề của tình huống.³⁸ Trong khi đó, Yin cho rằng nghiên cứu tình huống là một nghiên cứu thực nghiệm khảo sát sâu một hiện tượng đương thời trong ngữ cảnh đời sống thực tế của nó, đặc biệt khi mà những ranh giới giữa hiện tượng và ngữ cảnh không được minh chứng rõ ràng.³⁹ Hai khái niệm này cho thấy nghiên cứu tình huống mang nhiều đặc điểm của nghiên cứu định tính và thực nghiệm.

Trong nghiên cứu tình huống, rõ ràng có một vấn đề mang tính then chốt đó là việc lựa chọn (các) tình huống cần xem xét. Có thể phân biệt ba loại tình huống: (i) Các tình huống điển hình/tiêu biểu là những tình huống mà khi phân tích cho phép, ví dụ, một sự nghiên cứu mang tính chi tiết và ngữ cảnh của một phần quần thể rộng lớn hơn; (ii) Các tình huống không điển hình (*atypical cases*) là những tình huống mang đặc điểm và/hoặc hình thức độc nhất, cũng như một mối liên hệ đặc biệt đến môi trường và (iii) Các tình huống đặc biệt (*extreme cases*) là những tình huống khác biệt so với các tình huống khác vì những đặc điểm riêng và xác định rõ ràng.⁴⁰

Nghiên cứu tình huống có thể được phân chia thành nhiều loại bao gồm: (i) Nghiên cứu tình huống chuyên sâu (*intensive*), (ii) Nghiên cứu tình huống giải thích (*interpretive*) và (iii) Nghiên cứu tình huống khám phá (*exploratory*).⁴¹ Trong đó, nghiên cứu tình huống chuyên sâu tập trung vào một lĩnh vực nghiên cứu

35 Mark Van Hoecke, *ltd*, tr. 21-27.

36 J.W. Creswell, *Research Design, Qualitative, "Quantitative and mixed methods approaches"*, 2003, tr. 5, trích dẫn trong Aikaterini Argyrou, "Making the case for case studies in empirical legal research", *Utrecht Law Review*, Vol. 13(3), 2017, tr. 99, DOI: <https://doi.org/10.18352/ulr.409>

37 Zaidah Zainal, "Case study as a research method", 2007, tr. 1, <https://core.ac.uk/download/pdf/11784113.pdf>, truy cập ngày 27/4/2023.

38 Creswell, John W., *Qualitative inquiry & research design: Choosing among the five approaches*, Thousand Oaks, CA: Sage Publications, Inc, 2013, tr. 97, trích dẫn trong Mateusz Stępień, "Using case studies for research on judicial opinions: Some preliminary insights", *Law and Method*, 2019, tr. 5, DOI: 10.5553/REM/.000045

39 R.K. Yin (5th ed.), *Case Study Research: Design and Methods*, 2014, tr. 16, trích dẫn trong Aikaterini Argyrou, *ltd*, tr. 100.

40 Mateusz Stępień, *ltd*, tr. 6.

41 Mateusz Stępień, *ltd*, tr. 3-4.

nhỏ. Ví dụ đối tượng nghiên cứu có thể là một thành phố, một người phạm tội chưa thành niên, hai nhóm băng đảng đường phố, năm gia đình. Nghiên cứu tình huống giải thích nhấn mạnh đặc tính của từng tình huống trong ngữ cảnh của nó, chủ yếu dựa vào các kỹ thuật nghiên cứu định tính để phân tích sự phức tạp của tình huống nghiên cứu. Nghiên cứu tình huống khám phá thường được sử dụng để thử nghiệm một cách tiếp cận, khái niệm, lý thuyết hoặc công cụ nghiên cứu trong một lĩnh vực xác định.

Mặc dù được phân loại như trên nhưng nghiên cứu tình huống có một số đặc điểm chung dù mức độ của chúng có thể khác nhau tùy thuộc vào từng loại nghiên cứu. Các đặc điểm đó là: (i) Chủ đề nghiên cứu được giới hạn trong một lĩnh vực nhỏ, xác định; (ii) Nghiên cứu với cường độ lớn, mang tính chuyên sâu và nhiều mặt (*multifaceted*); (iii) Nghiên cứu tình huống trong môi trường tự nhiên của nó; và (iv) Đòi hỏi sử dụng đa dạng các nguồn thông tin (dữ liệu) và kỹ thuật nghiên cứu.⁴²

Quy trình nghiên cứu tình huống trong nghiên cứu khoa học pháp lý thực nghiệm, theo Aikaterini Argyrou, thường trải qua các bước như: (i) Xác định khung khái niệm (*conceptual framework*) và thiết kế nghiên cứu; (ii) Lựa chọn các tình huống; (iii) Thu thập dữ liệu và người trả lời; (iv) Phân tích dữ liệu; và (v) Kết quả nghiên cứu tình huống.⁴³

Nhiều bài viết cũng chỉ ra rằng nghiên cứu tình huống có những ưu và nhược điểm nhất định.⁴⁴ Về ưu điểm, việc xem xét dữ liệu thường được thực hiện trong ngữ cảnh mà nó được sử dụng. Sự biến đổi ở khía cạnh các cách thức tiếp cận mang tính thực chất, công cụ và thu thập của nghiên cứu tình huống cho phép cả phân tích định lượng và định tính dữ liệu. Sự lý giải chi tiết định tính thường mang lại bởi nghiên cứu tình huống không chỉ giúp khám phá hoặc mô tả dữ liệu trong môi trường cuộc sống thực tế mà còn giúp giải thích sự phức tạp của những tình huống có thật, điều khó đạt được bởi nghiên cứu thực nghiệm hoặc khảo sát. Về nhược điểm, nghiên cứu tình huống thường bị phê bình là thiếu tính chắc chắn; cung cấp ít cơ sở để có thể khái quát hóa về mặt khoa học vì sử dụng số lượng nhỏ các chủ thể (đôi khi chỉ một chủ thể). Phương pháp nghiên cứu này thường bị cho là tốn kém thời gian, khó thực hiện và sản sinh ra một khối lượng lớn các tài liệu.

Phương pháp nghiên cứu tình huống ở Việt Nam (có nơi gọi là phương pháp nghiên cứu án điển hình) được sử dụng ngày càng phổ biến trong khoa học pháp lý, đặc biệt đối với các công trình nghiên cứu theo định hướng ứng dụng. Tuy nhiên, thông thường các tác giả chỉ sử dụng vụ án, vụ việc (thông qua bản án hoặc hồ sơ) để minh chứng cho những khó khăn, vướng mắc gặp phải trong thực tiễn thực hiện pháp luật mà nguyên nhân chính là từ những hạn chế (thiếu sót, bất hợp lý, mâu thuẫn, không đồng bộ) của các quy định pháp luật cụ thể. Ngoài ra, các tác giả cũng ít khi kết hợp với các nguồn thông tin (dữ liệu) và các phương pháp, kỹ thuật nghiên cứu khác như quan sát trực tiếp, khảo sát bằng bảng hỏi, phỏng vấn chuyên sâu... Nếu so sánh với khái niệm và đặc điểm của

42 Mateusz Stępień, *ltd*, tr. 5-7.

43 Aikaterini Argyrou, *ltd*, tr. 106-113.

44 Zaidah Zainal, *ltd*, tr. 4-5. Tham khảo thêm Aikaterini Argyrou, *ltd*, Bảng 1.

nghiên cứu tình huống được nêu ra bởi các học giả nước ngoài như đã giới thiệu thì có vẻ giới nghiên cứu luật học ở Việt Nam chưa nhận thức đầy đủ, chưa khai thác và sử dụng triệt để phương pháp nghiên cứu này.

Kết luận

Phương pháp NCKHPL có một sự khác biệt nhất định so với loại hình, phương pháp luận và kỹ thuật nghiên cứu, mặc dù về tên gọi đôi khi các nhà nghiên cứu nước ngoài sử dụng các thuật ngữ này để thay thế cho nhau. Ranh giới giữa chúng thật sự rất khó để xác lập một cách rõ ràng. Trong phạm vi bài viết tác giả đã cố gắng giới thiệu những thông tin cơ bản nhất về những vấn đề này, tập trung chủ yếu vào phương pháp NCKHPL bao gồm nghiên cứu lịch sử, nghiên cứu so sánh và nghiên cứu tình huống. Như đã đề cập, để đảm bảo chất lượng của một công trình khoa học, chúng ta nên sử dụng kết hợp nhiều phương pháp nghiên cứu với mức độ sử dụng, vai trò của từng phương pháp được xác định phù hợp với loại hình, đối tượng, mục đích nghiên cứu và hướng tiếp cận. ●

Tài liệu tham khảo

- [1] Aikaterini Argyrou, “Making the case for case studies in empirical legal research”, *Utrecht Law Review*, Vol. 13(3), 2017, DOI: <https://doi.org/10.18352/ulr.409>
- [2] Đỗ Minh Khôi, Dương Hồng Thị Phi Phi, Phạm Thị Phương Thảo, *Phương pháp, quy trình và kỹ thuật nghiên cứu cơ bản trong khoa học pháp lý*, NXB. Đại học quốc gia TP. Hồ Chí Minh, 2016 [trans: Do Minh Khoi, Duong Hong Thi Phi Phi, Pham Thi Phuong Thao, *Basic research methods, processes, and techniques in legal science*, Ho Chi Minh City National University Publishing House 2016]
- [3] Khushal Vibhute & Filipos Aynalem, *Legal research methods: Teaching materials*, Prepared under the Sponsorship of the Justice and Legal System Research Institute, 2009, tr. 23
- [4] Mike McConville & Wing Hong Chui, *Research methods for law*, Edinburgh University Press, 2007
- [5] Chunuram Soren, “Legal research methodology: An overview”, *Journal of Emerging Technologies and Innovative Research*, Vol. 8(10), 2021
- [6] C. R. Kothari (2nd ed.), *Research methodology: Methods and techniques*, New Age International (P) Limited Publishers, 1990
- [7] Bhat, P. Ishwara, “Historical legal research: Implications and applications”, *Idea and methods of legal research* (Delhi, 2020; online edn, Oxford Academic), 2020, DOI: <https://doi.org/10.1093/oso/9780199493098.003.0007>
- [8] Mark Tushnet, & Peter Cane (Eds.), *The Oxford handbook of legal studies*, Oxford University Press
- [9] Melton, Buckner F. Jr., “Clio at the bar: A guide to historical method for Legists and Jurists”, *Minnesota Law Review*, Vol. 82(3)911, 1998
- [10] Marie-Luce Paris, “The comparative method in legal research: The art of justifying choices”, *Legal Research Methods: Principles and Practicalities*, Clarus Press, 2016
- [11] Mark Van Hoecke, “Methodology of comparative legal research”, *Law and Method*, 2015, DOI: <https://doi.org/10.5553/REM/.000010>
- [12] Zaidah Zainal, “Case study as a research method”
- [13] Mateusz Stępień, “Using case studies for research on judicial opinions: Some preliminary insights”, *Law and Method*, 2019, DOI: 10.5553/REM/.000045